TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 255/2024/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 16 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 317/2024/HNGĐ ngày 02/7/2024 về việc thuận tình ly hôn, giữa:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Đức B, sinh năm 1962;

Bà Mai Thị M, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ thường trú và nơi ở hiện tại: Số 19, tổ 39, phường TH, quận CG, Thành phố HN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M kết hôn tự nguyện ngày 16/12/1993, có đăng kí kết hôn tại UBND phường YK, thị xã HĐ, tỉnh HT, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tới ngày 04/12/2012, ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay, ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M có 02 con chung là anh Phạm Việt T (nam), sinh ngày 02/3/1995 và anh Phạm Tuấn S (nam), sinh ngày 23/10/1999. Cả hai cháu đã trên 18 tuổi, ở với ai do cháu tự quyết định, không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M tự lo chỗ ở mới sau khi ly hôn.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn lệ phí ly hôn theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập B bản hòa giải đoàn tụ không thành, B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ngày 08/7/2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M.

- Về con chung: Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M có 02 con chung là anh Phạm Việt T (nam), sinh ngày 02/3/1995 và anh Phạm Tuấn S (nam), sinh ngày 23/10/1999. Cả hai cháu đã trên 18 tuổi, ở với ai do cháu tự quyết định, Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M tự lo chỗ ở mới sau ly hôn. Nên Tòa án không xét.

- Về nợ chung: Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Ông Phạm Đức B và bà Mai Thị M thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn lệ phí ly hôn theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Cầu Giấy;*
- *Đương sự;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tuấn